

Bản án số:19/2025/HS-ST
Ngày 12 - 3 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Ông Nguyễn Văn Bé;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/HSST-QĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Dương Văn S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990, tại huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp Ô Ét, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn C, sinh năm 1945 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1951; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; Con: 03 người (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021). Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo Dương Văn S bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04 tháng 9 năm 2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1977; (có mặt)

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1986; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Xóm Vó, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
3. Anh Lương Hoàng Nhựt D, sinh năm 1996; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn Cầu Quan, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
4. Anh Lê Chí Qu, sinh năm 1987; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Cây Gòn, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
5. Bà Đặng Thị Thu H, sinh năm 1975; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
6. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1980; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
7. Ông Phan Văn Ph, sinh năm 1975; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
8. Anh Phan Quốc V1, sinh năm 1996; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Phú Thọ I, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
9. Anh Dương Quốc V, sinh năm 1991; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người làm chứng:*
1. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
2. Anh Trần Trung D1, sinh 1986; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn T C, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
3. Anh Lâm Văn X, sinh năm 1985; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp Phú Thọ II, xã Hiếu Trung, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023 đến tháng 01 năm 2024, bị cáo Dương Văn S đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Bị cáo S mượn số tài khoản 1199127078888 mở tại Ngân Hàng Quân đội (MBBank) của Dương Quốc V là em rể của bị cáo để chuyển tiền và nhận tiền trả từ người vay. Bị cáo S đã trực tiếp và sử dụng điện thoại liên lạc với người vay để trao đổi, thỏa thuận việc cho vay. Ngoài ra, bị cáo có ghi lại thông tin của một số người vay tiền, số tiền vay vào Qu sổ của bị cáo để

ghi nhớ. Qua đó, bị cáo đã cho những người vay vay tiền và thu lợi bất chính cụ thể như sau:

1/ Vào ngày 05/9/2023 bà Lê Thị H vay của bị cáo số tiền 150.000.000 đồng, mỗi ngày bà H góp cho bị cáo 2.000.000 đồng (gồm tiền gốc và tiền lãi), thời hạn vay là 120 ngày và theo thỏa thuận thì tổng số tiền bà H phải góp cho bị cáo là 240.000.000 đồng (tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 90.000.000 đồng). Bị cáo yêu cầu bà H viết giấy vay tiền với số tiền là 240.000.000 đồng, mục đích để đảm bảo bà H trả đủ tiền lãi và gốc cho bị cáo và bị cáo giữ giấy vay tiền trên. Sau đó, bị cáo có photo lại biên nhận và đã làm mất bản gốc, chỉ còn bản photo và đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Khi cho vay, bị cáo đưa đủ tiền cho bà H 150.000.000 đồng và bà H đã sử dụng vào mục đích mua bán hết. Sau đó, bị cáo cung cấp cho bà H số tài khoản ngân hàng Quân đội MBBank có số 1199127078888 có tên chủ tài khoản là Dương Quốc V và bị cáo kêu bà H hàng ngày chuyển tiền góp vào số tài khoản trên. Bà H sử dụng tài khoản ngân hàng MB Bank có số tài khoản 0796884459 của bà H để chuyển tiền góp cho bị cáo tổng cộng 48 lần với tổng số tiền 68.000.000 đồng. Do bà H không có tiền góp tiếp nên đến khoảng tháng 12 năm 2023, bị cáo và bà H thống nhất tính chung số tiền bà H nợ bị cáo là 240.000.000 đồng, bị cáo yêu cầu bà H không phải trả lãi đối với khoản tiền góp lại này mà yêu cầu bà H trả cho bị cáo mỗi tháng 10.000.000 đồng, trả trong vòng 24 tháng. Sau đó, bà H đã trả cho bị cáo được số tiền 50.000.000 đồng, tương ứng với tiền góp 05 tháng, theo thỏa thuận thì hiện bà H còn thiếu bị cáo 190.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo đã cho bà H vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 05/9/2023 đến 02/01/2024 (120 ngày), mỗi ngày góp 2.000.000 đồng (lãi suất 182,50%/năm). Bà H đã góp được 34 ngày với số tiền 68.000.000 đồng (gồm 42.500.000 đồng tiền gốc và 25.500.000 đồng tiền lãi). Tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm với số tiền 2.794.521 đồng, tiền thu lợi bất chính là 22.705.479 đồng. Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính trong cả kỳ vay gồm tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền 9.863.014 đồng, tiền thu lợi bất chính là 80.136.986 đồng.

2/ Vào ngày 06/10/2023, bà Lê Thị L vay của bị cáo số tiền 20.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất vay là 01%/ngày, mỗi ngày bà L phải trả lãi cho bị cáo số tiền 200.000 đồng, không có thỏa thuận thời hạn vay, khi nào ngừng vay thì sẽ trả tiền gốc. Bị cáo yêu cầu bà L cung cấp căn cước để photo và bị cáo viết giấy vay tiền, yêu cầu bà L ký tên và bị cáo giữ giấy vay tiền. Sau đó, do sợ bị phát hiện, bị cáo đã đốt bỏ giấy vay tiền trên.

Sau khi vay tiền thì hàng ngày vào các buổi chiều, bị cáo đến nơi bà L bán cá tại Chợ T C để thu tiền lãi với số tiền 200.000 đồng và bà L đưa tiền cho bị cáo và không làm biên nhận. Bà L đã đóng lãi cho bị cáo từ ngày 06/10/2023 đến ngày 03/11/2023 được tổng cộng 27 lần, mỗi lần 200.000 đồng, với số tiền 5.400.000 đồng. Sau đó, do không có khả năng đóng lãi nên bà L có xin giảm lãi, bị cáo đồng ý giảm lãi cho bà L với mức 0,5%/ngày kể từ ngày 03/11/2023, cụ thể

với số tiền vay 20.000.000 đồng thì mỗi ngày bà L phải trả lãi cho bị cáo số tiền 100.000 đồng. Sau đó, bị cáo cung cấp cho bà L số tài khoản ngân hàng Quân đội (MB) 1199127078888 có tên chủ tài khoản là Dương Quốc V và kêu bà L hàng ngày chuyển tiền lãi vào số tài khoản đó. Sau đó, bà L nhiều lần chuyển tiền trả lãi cho bị cáo được 16 lần (cho 42 ngày lãi) với tổng số tiền là 4.200.000 đồng. Hiện, bà L còn nợ bị cáo số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, bị cáo đã cho bà L vay như sau:

Từ ngày 06/10/2023, bị cáo đã cho bà L vay 20.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay, mỗi ngày trả lãi 200.000 đồng (lãi suất 365%/năm). Bà L đã trả lãi được 27 ngày với số tiền 5.400.000 đồng. Tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm với số tiền 295.890 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.104.110 đồng.

Từ ngày 03/11/2023, bị cáo giảm lãi và cho bà L (số tiền gốc là 20.000.000 đồng), không thỏa thuận thời hạn vay, mỗi ngày trả lãi 100.000 đồng (lãi suất 182,50%/năm). Bà L đã trả lãi được 42 ngày với số tiền 4.200.000 đồng. Tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm với số tiền 460.274 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.739.726 đồng.

3/ Bị cáo cho anh Lương Hoàng Nhựt D vay tiền 05 (năm) lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 02/10/2023, anh D vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày anh D góp cho bị cáo cả lãi và gốc là 400.000 đồng và góp trong thời hạn 27 ngày (lãi suất 108,15%/năm). Sau đó, anh D đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày cả lãi và gốc là: 400.000 đồng x 27 ngày, với số tiền 10.800.000 đồng (Tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng). Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là: 20%/năm với số tiền 147.945 đồng, tiền thu lợi bất chính là 652.055 đồng.

Lần 2: Vào ngày 24/10/2023, anh D vay của bị cáo số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp cho bị cáo cả lãi và gốc là 200.000 đồng và góp trong thời hạn 27 ngày (lãi suất 108,15%/năm). Sau đó, anh D đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày cả lãi và gốc với số tiền là: 200.000 đồng x 27 ngày, với số tiền là 5.400.000 đồng (tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng). Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền là 73.973 đồng, tiền thu lợi bất chính là 326.027 đồng.

Lần 3: Vào ngày 28/10/2023, anh D vay của bị cáo là 5.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp cho bị cáo cả lãi và gốc là 200.000 đồng (cả lãi và gốc) và góp trong thời hạn 27 ngày (lãi suất 108,15%/năm). Sau đó, anh D đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày cả lãi và gốc với số tiền là: 200.000 đồng x 27 ngày, với số tiền là 5.400.000 đồng (tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng). Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm với số tiền 73.973 đồng, tiền thu lợi bất chính là 326.027 đồng.

Lần 4: Vào ngày 09/11/2023, anh D vay của bị cáo số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp cho bị cáo 200.000 đồng (cả lãi và gốc) và góp trong

thời hạn 27 ngày (lãi suất 108,15%/năm). Sau đó, anh D đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày với số tiền là: 200.000 đồng x 27 ngày, với số tiền 5.400.000 đồng. (Trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 400.000 đồng). Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là: 20%/năm, với số tiền là 73.973 đồng, tiền thu lợi bất chính là 326.027 đồng.

Lần 5: Vào ngày 13/11/2023, anh D vay của bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp cho bị cáo 400.000 đồng (cả lãi và gốc) và góp trong thời hạn 27 ngày (lãi suất 108,15%/năm). Sau đó, anh D đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày là: 400.000 đồng x 27 ngày, với số tiền 10.800.000 đồng (Tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng). Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền là 147.945 đồng, tiền thu lợi bất chính là 652.055 đồng.

Như vậy, bị cáo đã cho anh D vay tiền 05 (năm) lần như trên đều có lãi suất 108,15%/năm. Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền 517.809 đồng, tiền thu lợi bất chính cả 05 (năm) lần là 2.282.191 đồng.

4/ Vào giữa năm 2023, anh Lê Chí Qu vay của bị cáo số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 0,6%/ngày, mỗi ngày anh Qu trả lãi 90.000 đồng nhưng không có thỏa thuận thời hạn vay, khi nào có tiền thì trả tiền gốc cho bị cáo. Sau đó, bị cáo đưa tiền cho anh Qu đủ 15.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận. Sau khi vay tiền, anh Qu không trả lãi cho bị cáo hàng ngày mà anh Qu thường gom lại nhiều ngày để trả lãi, cụ thể anh Qu đã trả lãi cho bị cáo 03 (ba) lần bằng hình thức sử dụng tài khoản ngân hàng MBBank của anh Qu có số tài khoản 090711160 và chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng MB Bank có số tài khoản 1199127078888 của Dương Quốc V do bị cáo yêu cầu, cụ thể: Ngày 01/9/2023 anh Qu chuyển tiền trả lãi cho bị cáo 3.500.000 đồng; Ngày 15/9/2023, anh Qu chuyển tiền trả lãi cho bị cáo 2.490.000 đồng; Ngày 09/12/2023 anh Qu chuyển tiền trả lãi cho bị cáo 5.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh Qu trả lãi cho bị cáo là 10.990.000 đồng, tương ứng với số ngày trả lãi là 122 ngày, mỗi ngày 90.000 đồng x 122 ngày với số tiền là 19.980.000 đồng. Đối với số tiền lãi 122 ngày như trên, anh Qu đã góp dư cho bị cáo 10.000 đồng và anh Qu không yêu cầu được nhận lại. Sau đó, anh Qu đã trả cho bị cáo 10.000.000 đồng tiền gốc, cả bị cáo và anh Qu đều thống nhất không tính lãi nữa, hiện anh Qu còn nợ bị cáo 5.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, từ giữa năm 2023 bị cáo đã cho anh Qu vay 15.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay, mỗi ngày trả lãi 90.000 đồng (lãi suất là 0,6%/ngày, tương đương 219%/năm). Anh Qu đã trả lãi được 10.990.000 đồng, tương ứng với 122 ngày lãi là 19.980.000 đồng (dư 10.000 đồng). Tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm với số tiền là 1.002.740 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.977.260 đồng.

5/ Bị cáo cho bà Đặng Thị Thu H vay tiền 02 (hai) lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào giữa năm 2023 (không rõ ngày tháng cụ thể), bị cáo cho bà H vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 27 ngày, theo thỏa thuận hàng ngày bà H

phải góp cho bị cáo 400.000 đồng (cả lãi và gốc), tương ứng lãi suất 108,15%/năm. Sau đó, bà H đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày cả lãi và gốc là 400.000 đồng x 27 ngày, với số tiền là 10.800.000 đồng (Tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng). Tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền là 147.945 đồng, tiền thu lợi bất chính là 652.055 đồng.

Lần 2: Vào ngày 15/11/2023, bị cáo cho bà H vay số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 27 ngày, theo thỏa thuận hàng ngày bà H phải góp cho bị cáo số tiền 400.000 đồng (cả lãi và gốc), tương ứng lãi suất 108,15%/năm. Sau đó, bà H đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày là 400.000 đồng x 27 ngày, với số tiền 10.800.000 đồng (Tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 800.000 đồng). Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm với số tiền 147.945 đồng, tiền thu lợi bất chính là 652.055 đồng.

Như vậy, bị cáo đã cho bà H vay 02 (hai) lần, mỗi lần đều có lãi suất 108,15%/năm. Tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật ở cả hai lần cho vay là 20%/năm với số tiền là 295.890 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.304.110 đồng.

6/ Bị cáo cho bà Nguyễn Thị Mỹ D vay tiền 01 (một) lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 10/12/2023, bà D vay của bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, theo thỏa thuận mỗi ngày bà D góp cho bị cáo cả lãi và gốc với số tiền 400.000 đồng, thời hạn vay là 27 ngày. Khi đó, bị cáo S đã đưa đủ 10.000.000 đồng cho bà D. Đến ngày 11/12/2023, bà D trả lại cho bị cáo 2.000.000 đồng nên còn nợ lại là 8.000.000 đồng. Bà D góp cho bị cáo mỗi ngày 320.000 đồng và góp trong vòng 27 ngày, tương ứng lãi suất 108,15%/năm. Sau đó, bà D đã góp đủ cho bị cáo 27 ngày là 320.000 đồng x 27 ngày với số tiền 8.640.000 đồng (tiền gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi là 640.000 đồng). Tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền là 118.356 đồng, tiền thu lợi bất chính là 521.644 đồng.

7/ Vào đầu năm 2023 (không rõ ngày, tháng cụ thể), con của ông Phan Văn Ph là anh Phan Quốc V1 đã vay của bị cáo số tiền 50.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý cho anh V1 vay và theo thỏa thuận thì đối với 50.000.000 đồng tiền gốc thì mỗi tháng anh V1 phải trả cho bị cáo 7.500.000 đồng tiền lãi (lãi suất là 15%/tháng), nhưng không có thỏa thuận thời hạn vay. Sau đó, bị cáo đưa đủ cho anh V1 số tiền 50.000.000 đồng tại nhà của bị cáo, giữa anh V1 với bị cáo không có làm biên nhận. Sau khi nhận tiền thì anh V1 đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, do anh V1 không có tiền trả lãi cho bị cáo nên đến tháng 9/2023 ông Ph gặp bị cáo và thỏa thuận ông Ph đứng ra lãnh trả số nợ 50.000.000 đồng mà anh V1 đã vay của bị cáo. Khi đó, ông Ph có viết biên nhận và bị cáo giữ biên nhận trên, trong đó đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền vay thì mỗi tháng ông Ph phải trả lãi cho bị cáo 3.000.000 đồng (lãi suất 15%/tháng, tương đương 0,5%/ngày và 182,50%/năm) và trả vào ngày 19 dương lịch Hng tháng, số tiền 30.000.000 đồng tiền vay còn lại thì mỗi tháng ông Ph phải trả lãi cho bị cáo 4.500.000 đồng (lãi suất 15%/tháng, tương đương 0,5%/ngày và 182,50%/năm) và trả vào ngày 30 dương lịch hàng tháng. Sau đó, ông Ph đã trả lãi cho bị cáo như sau:

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng: Ông Ph đã trả lãi cho bị cáo được 05 (năm) lần (tương ứng 05 tháng) với số tiền 3.000.000 đồng/01 lần, với số tiền là 15.000.000 đồng.

Đối với khoản vay 30.000.000 đồng: Tuy thỏa thuận mỗi tháng trả 4.500.000 đồng, nhưng bị cáo cho ông Ph thiếu lãi mỗi tháng 500.000 đồng nên ông Ph đã trả được 03 (ba) lần (tương ứng 03 tháng) với số tiền 4.000.000 đồng/01 lần. Sau đó, ông Ph đã trả tiền mặt thêm cho bị cáo 1.500.000 đồng đối với tiền lãi còn thiếu của khoản vay 30.000.000 đồng. Như vậy, ông Ph đã trả lãi cho bị cáo được 03 (ba) lần, với số tiền 4.500.000 đồng/01 lần, với số tiền là 13.500.000 đồng.

Đến tháng 01/2024, ông Ph ngừng trả lãi cho bị cáo. Sau đó, đến tháng 05/2024, bị cáo đến đòi tiền lãi và gốc nhưng do ông Ph không có đủ tiền trả nên ông Ph chỉ trả cho bị cáo 10.000.000 đồng tiền gốc. Hiện, ông Ph còn nợ bị cáo 40.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, cả 02 (hai) lần vay trên ông Ph đã trả lãi cho bị cáo là 28.500.000 đồng (lãi suất 15%/tháng, tương đương 0,5%/ngày và 182,50%/năm). Đối với số tiền lãi 28.500.000 đồng thì tiền lãi thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền là 3.123.288 đồng, tiền thu lợi bất chính là 25.376.712 đồng.

Ngoài ra, bị cáo cho anh Lê Văn L vay tiền với lãi suất cao nhưng chưa đến mức lãi suất gấp 05 (năm) lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

Vào khoảng tháng 10/2023, anh L vay của bị cáo số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận trong thời hạn 03 tháng (90 ngày) thì anh L phải trả cho bị cáo cả lãi và gốc là 44.000.000 đồng và bị cáo đã đưa tiền cho anh L đủ 40.000.000 đồng tại nhà của bị cáo nhưng không có làm biên nhận. Sau đó, anh L đã nhiều lần chuyển tiền vào số tài khoản 1199127078888 ngân hàng Quân đội (MB) của Dương Quốc V do bị cáo yêu cầu để trả tiền lãi và gốc. Ngoài ra, anh L cũng có đến nhà bị cáo để trả tiền lãi và gốc 01 (một) lần. Tổng số tiền anh L đã trả bị cáo là 42.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng tiền lãi còn lại thì bị cáo giảm cho anh L. Như vậy, bị cáo đã cho anh L vay 40.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng từ đầu tháng 10/2023. Kết thúc thời hạn vay anh L đã trả đủ cho bị cáo 42.000.000 đồng (được bị cáo giảm 2.000.000 đồng), trong đó gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi, do đó bị cáo cho anh L vay với lãi suất 20,28%/năm. Tiền lãi bị cáo thu được theo quy định pháp luật là 20%/năm, với số tiền 1.972.603 đồng, tiền thu lợi bất chính là 27.397 đồng.

Như vậy, bị cáo Dương Văn S thực hiện việc cho vay lãi nặng như trên nhằm hướng đến số tiền thu lợi bất chính là 128.442.739 đồng. Trong đó, bà Lê Thị H 80.136.986 đồng; bà Lê Thị L 8.843.836 đồng; anh Lương Hoàng Nhựt D 2.282.191 đồng; anh Lê Chí Qu 9.977.260 đồng; bà Đặng Thị Thu H 1.304.110 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ D 521.644 đồng; ông Phan Văn Ph 25.376.712 đồng. Do đó, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính được xác định là 128.442.740 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 05/CT-VKSTC- HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T C truy tố bị cáo Dương Văn S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội D cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích nguyên nhân, động cơ phạm tội, tính chất, mức độ của Hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Văn S từ 200.000.000đồng đến 300.000.000đồng để nộp vào ngân sách NH nước.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu bạc, màn hình cảm ứng, gắn sim 0386.467.289, có số IMEI 1: 86554145058102870; số IMEI 2: 86554145058102862, đã qua sử dụng của bị cáo Dương Văn S dùng vào việc phạm tội.

- Buộc bị cáo có trách nhiệm nộp lại các khoản tiền gốc đã nhận từ những người vay là 125.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo nộp lại tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (không vượt quá 20%) với số tiền 8.608.767 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu, tổng cộng là 71.011.232 đồng. Trong đó trả lại cho bà Lê Thị H 22.705.479 đồng; trả lại cho bà Lê Thị L 8.843.836 đồng, trả lại cho anh Lương Hoàng Nhựt D 2.282.191 đồng; trả lại cho anh Lê Chí Qu 9.977.260 đồng; trả lại cho bà Đặng Thu H 1.304.110 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D 521.644 đồng; trả lại cho ông Phan Văn Ph 25.376.712 đồng

- Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo cũng là số tiền bị cáo dùng để cho vay, tổng cộng là 172.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó, bà Lê Thị H nộp lại 107.500.000 đồng; bà Lê Thị L nộp lại 20.000.000 đồng, ông Lê Chí Qu nộp lại 5.000.000 đồng; ông Phan Văn Ph nộp lại 40.000.000 đồng.

- Lưu hồ sơ vụ án đối với 01 (một) tờ giấy mượn tiền giữa bà Lê Thị H với bị cáo Dương Văn S (Bản photo) và 01 (một) Qu sổ tay có kích thước 10,5 cm x 7 cm, có bìa màu xanh, mặt trước bìa có dùng chữ "UNIVERSE Academy", bên trong có 03 trang giấy có chứa thông tin, cuối mỗi trang có chữ ký, chữ viết tên xác nhận của bị cáo Dương Văn S, bên ngoài Qu sổ được bao lớp nhựa kiếng bảo

vệ của bị cáo Dương Văn S, được bị cáo sử dụng để ghi chép lại nội D có liên quan đến việc cho vay tiền.

- **Về án phí:** Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Dương Văn S nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn S thừa nhận Hnh vi phạm tội của mình đúng như nội D cáo trạng đã truy tố, bị cáo khẳng định không bị ai ép cung, mớm cung hay dùng nhục hình.

Bà Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận có vay tiền của bị cáo S và đóng tiền lãi đúng như nội D cáo trạng đã nêu và không có yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo Dương Văn S: Bị cáo biết đã vi phạm pháp luật và hối hận những gì đã làm nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến Hnh tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến Hnh tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn S khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội D cáo trạng đã truy tố và bị cáo không có ý kiến phản đối gì. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua đó thể hiện:

Trong khoảng đầu năm 2023 đến tháng 01 năm 2024 bị cáo Dương Văn S đã cho bà Lê Thị H, bà Lê Thị L, anh Lương Hoàng Nhựt D, anh Lê Chí Qu, bà Đặng Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Phan Văn Ph vay tổng số tiền là 298.000.000 đồng, với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (từ 108,15%/năm đến 365%/năm), bị cáo đã thu lợi bất chính 128.442.739 đồng, trong đó, bà Lê Thị H 80.136.986 đồng; bà Lê Thị L 8.843.836 đồng; anh Lương Hoàng Nhựt D 2.282.191 đồng; anh Lê Chí Qu 9.977.260 đồng; bà Đặng Thị Thu H 1.304.110 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ D 521.644 đồng; ông Phan Văn Ph 25.376.712 đồng. Bị cáo S khẳng định chỉ có

một mình bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng mà không có ai tổ chức, giúp sức hay xúi giục, mục đích cho vay tiền với lãi suất cao nhằm thu được lợi nhuận để tiêu xài cá nhân như ăn uống, lo cho con đi học không có sử dụng tiền này để mua xe, đất đai hay tài sản có giá trị khác.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Dương Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật tuy nhiên bị cáo vì ham thu lợi bất chính nên dẫn đến hành vi phạm tội như đã nêu trên. Do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nuôi con nhỏ nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp phạm tội của bị cáo Dương Văn S không có tính chất chuyên nghiệp, không hoạt động dưới hình thức băng ổ nhóm nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo S mà cần xem xét áp dụng hình phạt nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo S.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Xét thấy cần áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu bạc, màn hình cảm ứng, gắn sim 0386.467.289, có số IMEI 1: 86554145058102870; số IMEI 2: 86554145058102862, đã qua sử dụng của bị cáo Dương Văn S dùng vào việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Dương Văn S nộp lại các khoản tiền gốc đã nhận từ những người vay là 125.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Dương Văn S nộp lại số tiền lãi đã nhận tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (không vượt quá 20%) với số tiền 8.608.767 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Dương Văn S trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu tổng cộng là 71.011.232 đồng do xác định đây là số tiền lãi vượt mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trong đó cần buộc bị cáo S trả lại cho bà Lê Thị H 22.705.479 đồng; trả lại cho bà Lê Thị L 8.843.836 đồng, trả lại cho anh Lương Hoàng Nhựt D 2.282.191 đồng; trả lại cho anh Lê Chí Qu 9.977.260 đồng; trả lại cho bà Đặng Thu H 1.304.110 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D 521.644 đồng; trả lại cho ông Phan Văn Ph 25.376.712 đồng.

- Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo S cũng là số tiền bị cáo dùng để cho vay, tổng cộng là 172.500.000 đồng để sung vào ngân sách NH nước. Trong đó, buộc bà Lê Thị H nộp lại 107.500.000 đồng; buộc bà Lê Thị L nộp lại 20.000.000 đồng, buộc ông Lê Chí Qu nộp lại 5.000.000 đồng; buộc ông Phan Văn Ph nộp lại 40.000.000 đồng.

- Lưu hồ sơ vụ án đối với 01 (một) tờ giấy mượn tiền giữa bà Lê Thị H với bị cáo Dương Văn S (Bản photo) và 01 (một) quyển sổ tay có kích thước 10,5 cm x 7 cm, có bìa màu xanh, mặt trước bìa có dùng chữ "UNTVVERSE Academy", bên trong có 03 trang giấy có chứa thông tin, cuối mỗi trang có chữ ký, chữ viết tên xác nhận của bị cáo Dương Văn S, bên ngoài quyển sổ được bao lớp nhựa kiếng bảo vệ của bị cáo Dương Văn S, được bị cáo sử dụng để ghi chép lại nội dung có liên quan đến việc cho vay tiền.

[6] **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Dương Văn S nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Đối với Hình vi của bị cáo cho anh Lê Văn L vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 20,28 % (lãi suất chưa đến mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính 27.397 đồng đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 15.000.000 đồng xong.

Đối với Dương Quốc V, khi bị cáo mượn số tài khoản để chuyển tiền thì bị cáo không nói sử dụng vào mục đích cho vay và không biết bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên không có cơ sở để xử lý.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn S số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu OPPO, màu bạc, màn hình cảm ứng, gắn sim 0386.467.289, có số IMEI 1: 86554145058102870; số IMEI 2: 86554145058102862, đã qua sử dụng của bị cáo Dương Văn S đã dùng vào việc phạm tội.

- Buộc bị cáo Dương Văn S nộp lại các khoản tiền gốc đã nhận từ những người vay là 125.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Dương Văn S nộp lại tiền lãi đã nhận tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (không vượt quá 20%) với số tiền 8.608.767 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Dương Văn S trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu, tổng cộng là 71.011.232 đồng. Trong đó buộc bị cáo S trả lại cho bà Lê Thị H 22.705.479 đồng; trả lại cho bà Lê Thị L 8.843.836 đồng, trả lại cho anh Lương Hoàng Nhựt D 2.282.191 đồng; trả lại cho anh Lê Chí Qu 9.977.260 đồng; trả lại cho bà Đặng Thu H 1.304.110 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D 521.644 đồng; trả lại cho ông Phan Văn Ph 25.376.712 đồng.

- Buộc những người vay nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo S cũng là số tiền bị cáo dùng để cho vay, tổng cộng là 172.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó, buộc bà Lê Thị H nộp lại 107.500.000 đồng; buộc bà Lê Thị L nộp lại 20.000.000 đồng, buộc ông Lê Chí Qu nộp lại 5.000.000 đồng; buộc ông Phan Văn Ph nộp lại 40.000.000 đồng.

- Lưu hồ sơ vụ án đối với 01 (một) tờ giấy mượn tiền giữa bà Lê Thị H với bị cáo Dương Văn S (bản photo) và 01 (một) quyển sổ tay có kích thước 10,5 cm x 7 cm, có bìa màu xanh, mặt trước bìa có dùng chữ "UNIVERSE Academy", bên trong có 03 trang giấy có chứa thông tin, cuối mỗi trang có chữ ký, chữ viết tên xác nhận của bị cáo Dương Văn S, bên ngoài quyển sổ được bao lớp nhựa kiếng bảo vệ của bị cáo Dương Văn S.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Dương Văn S nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Nguyễn Văn Bé

Lê Thanh Tùng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh (phòng GDKT);
- VKSND huyện T C;
- Chi cục THADS huyện T C;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Trà Vinh (PC01);
- UBND xã Phú Cần;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng

